TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH O** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 14/9/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH O, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Huy Trọng;
Bà Nguyễn Thị Nguyệt;

Thư ký phiên toà ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Anh Bích, Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thọ Thuận – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 50/2023/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HPT ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1998
ĐKHKTT: thôn Ba Dư, xã H Dương, huyện Thanh O, Hà Nội.
Nơi ở hiện tại: thôn Võ Lao, xã Văn Võ, huyện Chương Mỹ, Hà Nội
- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quang Tuân**, sinh năm 1988
ĐKHKTT: thôn Ba Dư, xã H Dương, huyện Thanh O, Hà Nội.
(tại phiên tòa: Chị H có mặt; anh Tuân văn mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu khác nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quang Tuân sau một thời gian tìm hiểu nhau đã tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H Dương, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội năm 2016. Hai bên xác lập quan hệ hôn nhân và sống chung với nhau tại thôn Ba Dư, xã H Dương, huyện Thanh O, Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ cH chung sống hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, khiến cho tình cảm vợ cH không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, vợ cH thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh Tuân thường xuyên ra ngoài uống rượu bia rồi chửi bởi vợ con,

mặc dù chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Tuân vẫn không thay đổi. Hai bên đã được gia đình hòa giải nhưng không thể hàn gắn được nữa. Đến cuối năm 2020, vợ cH chị sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ cH không còn chị nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tuân.

Về con chung: Chị H trình bày chị và anh Tuân có 02 con chung là cháu *Nguyễn Thị Ngọc H1*, sinh ngày 24/8/2017 và cháu *Nguyễn Thị Bích H2*, sinh ngày 21/5/2019. Hiện tại, cháu Hân đang ở với chị, còn cháu Hạnh đang ở với anh Tuân. Sau khi ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi cháu Hân, còn anh Tuân nuôi cháu Hạnh. Chị không yêu cầu anh Tuân đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung và các yêu cầu khác của vợ cH: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Quang Tuân: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Tuân, niêm yết tại địa phương nơi anh Tuân sinh sống nhưng anh đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh O (Thẩm phán, Thư ký tòa án) đã thụ lý, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Tuân đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2015: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*** Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Quang Tuân nên thuộc tranh chấp về Ly hôn theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Tuân có hộ khẩu thường trú tại thôn Ba Dư, xã H Dương, huyện Thanh O, Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] ***Về thủ tục xét xử:*** Tại biên bản xác minh ngày 27/7/2023, Công an xã H Dương cho biết anh Nguyễn Quang Tuân sinh năm 1988 có HKTT tại thôn Ba Dư, xã H Dương, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội, không có sự di chuyển hộ khẩu và hiện tại

không biết anh Tuân đang sinh sống tại đâu. Toàn bộ văn bản tố tụng Tòa án đã thực hiện niêm yết tại địa phương nơi anh Tuân cư trú nhưng anh Tuân vẫn không có phản hồi. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Tuân đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Tuân đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tuân.

[2].Xét về nội dung:

[2.1].*Về quan hệ hôn nhân:*

Căn cứ vào đơn xin ly hôn và quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quang Tuân tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H Dương, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội năm 2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Thời gian đầu vợ cH chung sống hạnh phúc. Nhưng thời gian gần đây, vợ cH thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, quan điểm sống của cả hai bên không hợp và trái chiều về cách sống, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh Tuân thường xuyên ra ngoài uống rượu bia, không những không chăm lo đến vợ con mà còn thường xuyên chửi bới vợ con. Mặc dù chị H và anh Tuân đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thể hàn gắn được nữa. Đến cuối năm 2020, vợ cH sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Do hai người không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn là chị H xin ly hôn với anh Tuân. Quá trình giải quyết vụ án, anh Tuân không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh Tuân.

[2.2] ***Về con chung****:* Quá trình kết hôn và chung sống với nhau, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 24/8/2017 và cháu Nguyễn Thị Bích H2, sinh ngày 21/5/2019. Hiện tại, cháu Hân đang ở với chị, còn cháu Hạnh đang ở với anh Tuân. Sau khi ly hôn chị H xin tiếp tục nuôi cháu Hân, còn anh Tuân nuôi cháu Hạnh. Xét yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị H là có cơ sở, đảm bảo được sự ổn định trong cuộc sống, việc học hành cũng như tâm sinh lý của con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu Nguyễn Thị Bích H2 cho anh Tuân trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành hoặc khi đương sự có yêu cầu thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh Tuân đóng góp phí tổn nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị H, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi đương sự có yêu cầu hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật.

[2.3] ***Về tài sản chung, công nợ chung:*** Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H**: Xử chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh **Nguyễn Quang Tuân.**

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 24/8/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành hoặc cho đến khi các bên có yêu cầu thay đổi khác.

Giao cháu Nguyễn Thị Bích H2, sinh ngày 21/5/2019 cho anh Nguyễn Quang Tuân trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành hoặc cho đến khi có yêu cầu thay đổi khác.

Tạm hoãn việc trợ cấp nuôi con cho anh Nguyễn Quang Tuân và chị Nguyễn Thị H cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quang Tuân có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét, giải quyết trong bản án này.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0054081 ngày 14/03/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh O .

5. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh O;
- Chi cục THADS huyện Thanh O;
- Các bên đương sự;
- UBND H Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN TIẾN DŨNG